Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
Email: ubndtinh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 14.11.2018 13:29:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2552/KH-UBND	*Gia Lai, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

KẾ HOẠCH
Tổ chức tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2018 của tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ - Uỷ ban dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới; Các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh năm 2018; Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh (tăng, giảm) biên chế sự nghiệp của các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh năm 2018; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức giáo viên của tỉnh Gia Lai năm 2018 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức giáo viên vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Tuyển dụng viên chức, giáo viên phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chỉ tiêu số lượng người làm việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo công khai, công bằng, khách quan, dân chủ, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật để lựa chọn được những người có trình độ chuyên môn theo yêu cầu, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

II. NGUYÊN TẮC TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đúng pháp luật;

2. Bảo đảm tính cạnh tranh;

3. Tuyển chọn đúng người có trình độ, năng lực, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn quy định và được bố trí đúng chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm đã đăng ký;

4. Tuyển dụng đủ số lượng viên chức, giáo viên trong chỉ tiêu biên chế, vị trí việc làm cần tuyển dụng.

III. NHU CẦU TUYỂN DỤNG

1. Tổng số nhu cầu tuyển dụng giáo viên năm học 2018 - 2019 của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, ngành giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố là 973 chỉ tiêu *(có bảng tổng hợp nhu cầu kèm theo)*.

2. Các đơn vị, địa phương phải dành riêng tỷ lệ 20% trong tổng số chỉ tiêu tuyển dụng tại vị trí việc làm cần tuyển (theo từng môn học, cấp học và phải đáp ứng đủ điều kiện tại vị trí việc làm của người dự tuyển) để đảm bảo tỷ lệ người dân tộc thiểu số Jrai và Bahnar (có hộ khẩu tại tỉnh Gia Lai) vào viên chức, của đơn vị, địa phương có nhu cầu tuyển dụng. Trường hợp tỷ lệ chỉ tiêu đăng ký đạt đủ từ 0,75 chỉ tiêu trở lên tại vị trí việc làm cần tuyển thì được tính làm tròn thành 01 chỉ tiêu.

IV. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Đơn xin dự tuyển; Bản sơ yếu lý lịch tự thuật theo mẫu yêu cầu khai đầy đủ, rõ ràng, chính xác, trung thực, cụ thể từng nội dung theo quy định, có dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có chứng nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

Đơn đăng ký dự tuyển viên chức thực hiện theo mẫu số 1 kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ; mẫu Bản sơ yếu lý lịch tự thuật do Sở Nội vụ hướng dẫn, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ tại địa chỉ http://snv.gialai.gov.vn (Người dự tuyển có thể liên hệ Sở Nội vụ để mua hồ sơ do Sở Nội vụ phát hành theo mẫu).

2. Bản sao các loại giấy tờ:

a) Bằng tốt nghiệp chuyên môn sư phạm (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với người tốt nghiệp năm 2018);

b) Học bạ hoặc bảng điểm;

Trường hợp bằng tốt nghiệp chuyên môn, học bạ hoặc bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được kiểm định qua Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Bằng tốt nghiệp THPT (trừ một số trường hợp tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp theo quy định); Bằng tốt nghiệp THCS (đối với một số trường hợp dự tuyển tốt nghiệp hệ 9 +3);

3. Các loại giấy tờ liên quan khác (giấy chứng nhận thương binh, bệnh binh, hưởng chính sách như thương binh; giấy xác nhận đang hưởng chính sách liệt sĩ, thương binh, bệnh binh,...) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

4. Giấy khám sức khoẻ của cơ quan y tế có thẩm quyền kết luận đủ sức khoẻ trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ;

5. 02 (hai) ảnh 3x4 và 02 (hai) phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại của người dự tuyển.

6. Hồ sơ dự tuyển phải sạch sẽ, đầy đủ, không được tẩy xoá, đựng trong bì hồ sơ dự tuyển viên chức có kích thước 250 x 340 x 5mm.

V. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đối tượng dự tuyển

Những người có nguyện vọng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, ngành giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố phải có đủ điều kiện và tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển theo quy định tại Khoản 2 Mục V Kế hoạch này.

2. Điều kiện và tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

2.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển:

a) Đáp ứng các điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Viên chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

- Đủ 18 tuổi trở lên;

- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;

- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp giáo viên cần tuyển;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức giáo viên:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2.2. Về trình độ chuyên ngành đào tạo:

- Giáo viên mầm non: Tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành sư phạm giáo dục mầm non (trường hợp tốt nghiệp trình độ trung cấp phải hệ chính quy);

- Giáo viên khối tiểu học: Tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành sư phạm, có chuyên ngành đúng với vị trí việc làm cần tuyển (trường hợp tốt nghiệp trình độ trung cấp phải hệ chính quy);

- Giáo viên khối trung học cơ sở: Tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành sư phạm, có chuyên ngành đúng với vị trí việc làm cần tuyển (trường hợp tốt nghiệp trình độ cao đẳng phải hệ chính quy);

- Giáo viên khối trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên chuyên ngành sư phạm hệ chính quy (trừ chính quy liên thông), có chuyên ngành đúng với vị trí việc làm cần tuyển. Trường hợp nếu có trình độ sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) phải có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm hệ chính quy.

3. Phương thức tuyển dụng: Việc tuyển dụng viên chức giáo viên được thực hiện thông qua thi tuyển theo quy định tại Điều 23 Luật Viên chức năm 2010.

VI. CÁC MÔN THI, CÁCH THỨC THI TUYỂN

1. Nội dung và hình thức thi

a) Người dự thi tuyển viên chức giáo viên phải thực hiện các bài thi sau:

- Thi kiến thức chung;

- Thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành;

- Thi tin học văn phòng;

- Thi ngoại ngữ.

b) Thi kiến thức chung: Thi viết về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

c) Thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành thông qua hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm và thi thực hành.

Trường hợp vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin (theo vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành là ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin) thì người dự

tuyển không phải thi ngoại ngữ hoặc thi tin học văn phòng quy định tại Điểm d và đ, Khoản 1 Mục VI Kế hoạch này.

d) Thi ngoại ngữ (là môn thi để tính điểm điều kiện, không tính vào tổng số điểm thi): Thi môn ngoại ngữ tiếng Anh theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

đ) Thi tin học văn phòng (là môn thi để tính điểm điều kiện, không tính vào tổng số điểm thi): Thi trắc nghiệm theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Điều kiện miễn thi một số môn:

Người đăng ký dự tuyển được miễn thi môn ngoại ngữ hoặc tin học trong các trường hợp sau:

a) Miễn thi môn ngoại ngữ trong trường hợp môn nghiệp vụ chuyên ngành không phải là ngoại ngữ nếu có một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

b) Miễn thi môn tin học văn phòng trong trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

3. Cách tính điểm

a) Bài thi được chấm theo thang điểm 100.

b) Điểm các bài thi được tính như sau:

- Thi kiến thức chung: Tính hệ số 1;

- Thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành: Phần thi viết hoặc thi trắc nghiệm tính hệ số 1; phần thi thực hành tính hệ số 2.

c) Kết quả thi là tổng số điểm của bài thi kiến thức chung và các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành. Trường hợp người dự tuyển thi ngoại ngữ, thi tin học văn phòng, kết quả các bài thi này là điểm điều kiện và không tính vào tổng số điểm thi, trừ trường hợp ngoại ngữ và công nghệ thông tin là phần thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành.

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển

4.1. Điều kiện và nguyên tắc chung:

a) Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức giáo viên phải tham dự đủ các bài thi, mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên nêu tại Khoản 1 và Khoản 2 Mục VI Kế hoạch này và được xác định theo nguyên tắc: Người trúng tuyển có kết quả thi cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm theo từng đối tượng ưu tiên.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có tổng số điểm các bài thi chuyên môn,

nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu tổng số điểm các bài thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

(2) Thương binh;

(3) Người hưởng chính sách như thương binh;

(4) Con liệt sĩ;

(5) Con thương binh;

(6) Con của người hưởng chính sách như thương binh;

(7) Người dân tộc ít người;

(8) Đội viên thanh niên xung phong;

(9) Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;

(10) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;

(11) Người dự tuyển là nữ.

Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên nêu trên thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức trực tiếp phỏng vấn và quyết định người trúng tuyển.

4.2. Xác định người trúng tuyển: Việc xác định phải đảm bảo điều kiện và nguyên tắc chung nêu tại Điểm 4.1 Khoản này và xác định thứ tự trúng tuyển như sau:

a) Người đã tốt nghiệp hệ cử tuyển đúng với chuyên ngành tại vị trí việc làm cần tuyển (theo quy định tại Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ, Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTB&XH-BTC-BNV-UBDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc) nhưng do địa phương cử đi học không có chỉ tiêu và không bố trí được việc làm dự tuyển vào cơ quan, đơn vị, địa phương khác, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Người trúng tuyển có kết quả điểm thi cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

4.3. Đối tượng dự tuyển là người dân tộc thiểu số Jrai, Bahnar (có hộ khẩu tại tỉnh Gia Lai): Ngoài cách xác định trúng tuyển theo thứ tự quy định tại Điểm 4.2 Khoản 4 Mục VI Kế hoạch này thì còn được xác định trúng tuyển trong phạm vi 20% tổng chỉ tiêu theo từng vị trí việc làm (từng môn học, cấp học) theo nguyên tắc và thứ tự quy định tại Điểm 4.1 và Điểm 4.2 Khoản này.

Trường hợp tại vị trí việc làm cần tuyển dụng không xác định người trúng tuyển là người Jrai, Bahnar nếu còn chỉ tiêu thì xác định đối tượng còn lại theo nguyên tắc và thứ tự quy định tại Điểm 4.1 và Điểm 4.2 Khoản này.

4.4. Trường hợp người trúng tuyển bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc chấm dứt hợp đồng đã ký kết theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ, thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề ở vị trí tuyển dụng đó cho đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 (hai) người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở cùng vị trí việc làm (thấp hơn liền kề ở vị trí tuyển dụng đó) thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như cách xác định quy định tại Kế hoạch này.

4.5. Không thực hiện việc bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

VII. NỘP HỒ SƠ, THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, LỆ PHÍ DỰ TUYỂN

1. Nộp hồ sơ dự tuyển:

a) Mỗi người dự tuyển chỉ được nộp một hồ sơ vào một nơi đăng ký dự tuyển. Nếu một người nộp hồ sơ ở hai nơi đăng ký dự tuyển trở lên thì bị loại khỏi danh sách dự tuyển;

b) Người dự tuyển vào trường Trung học phổ thông, nộp hồ sơ tại Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (56 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai). Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, đúng đắn của hồ sơ.

c) Người dự tuyển các trường: Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) thì nộp hồ sơ tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố; Phòng Nội vụ phối hợp kiểm tra, đối chiếu thống nhất danh sách đủ điều kiện. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, đúng đắn của hồ sơ.

d) Người dự tuyển phải trực tiếp nộp hồ sơ (không nhờ người khác nộp thay). Khi đi nộp hồ sơ, người dự tuyển phải xuất trình bản chính các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Mục IV Kế hoạch này để người nhận hồ sơ dự tuyển kiểm tra, đối chiếu và phải ký xác nhận các thông tin cá nhân trong danh sách đăng ký dự tuyển cùng với người nhận hồ sơ dự tuyển; người nhận hồ sơ dự tuyển phải có giấy nhận hồ sơ trao cho người dự tuyển có đóng dấu treo của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

đ) Người dự tuyển đã thực hiện đầy đủ các điều kiện và có đầy đủ hồ sơ theo quy định thì nơi nhận hồ sơ không được từ chối tiếp nhận hồ sơ.

Người dự tuyển có hồ sơ đủ điều kiện theo quy định mà cơ quan tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận nhưng không có lý do chính đáng thì người dự tuyển có thể phản ảnh về Sở Nội vụ tại địa chỉ: 03 Hai Bà Trưng, TP.Pleiku, Gia Lai (số

điện thoại 059 3717412 Thanh tra sở, hoặc số 059 3823061 Phòng Công chức - Viên chức).

2. Thời gian nhận hồ sơ: Do Sở Nội vụ thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và triển khai niêm yết công khai tại trụ sở của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nội vụ và website của Sở Nội vụ tại địa chỉ http://snv.gialai.gov.vn; website của Sở Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ http://gialai.edu.vn và địa chỉ website của các cơ quan, địa phương có nhu cầu tuyển dụng.

3. Lệ phí dự thi tuyển:

a) Mức thu phí của người dự tuyển để phục vụ công tác thi tuyển: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (Mức thu phí dự tuyển của mỗi thí sinh sẽ có thông báo cụ thể sau).

Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp thu và nộp về Hội đồng thi tuyển (qua Sở Nội vụ) để phục vụ công tác thi tuyển. Mức chi cụ thể do Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn.

b) Trong trường hợp thu lệ phí của người dự tuyển phục vụ cho công tác thi tuyển không đủ, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung để phục vụ cho công tác thi tuyển.

VIII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI TUYỂN; TÀI LIỆU ÔN THI

1. Thời gian thi, địa điểm tổ chức thi, tài liệu ôn thi: Do Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh quyết định và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thị xã, thành phố và đồng thời đăng trên website của các cơ quan, địa phương để mọi cá nhân có liên quan được biết và thực hiện (có thông báo cụ thể sau).

2. Thời gian tổ chức thi: Sẽ do Hội đồng thi của tỉnh thông báo cụ thể sau.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh và Ban giám sát:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh và Ban Giám sát kỳ thi tuyển theo quy định.

b) Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện công tác thi tuyển viên chức giáo viên vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị bảo đảm theo Kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; tổng hợp kết quả thi tuyển, báo cáo UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

c) Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh thành lập các bộ phận giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban chấm thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban phúc khảo; ban hành quy chế thi tuyển theo đúng quy định.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên, Ban giám sát kỳ thi tuyển viên chức giáo viên; trình Chủ tịch Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh quyết định thành lập các Ban giúp việc theo quy định.

b) Là cơ quan thường trực của Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh; tham mưu cho Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh tổ chức thực hiện thi tuyển viên chức giáo viên năm 2018 theo Kế hoạch.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết khác để tổ chức tốt kỳ thi tuyển viên chức giáo viên và thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có).

d) Phát hành hồ sơ tuyển dụng viên chức giáo viên theo quy định.

đ) Tổng hợp kết quả thi tuyển để Hội đồng thi tuyển của tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận kết quả kỳ thi; Thông báo kết quả thi tuyển của người dự tuyển cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau khi có quyết định công nhận kết quả thi tuyển của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi tuyển theo thẩm quyền.

f) Trường hợp kinh phí không đủ chi, Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung kinh phí theo quy định.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị, địa phương liên quan kiểm soát chặt chẽ danh sách người đã tốt nghiệp hệ cử tuyển chuyên ngành sư phạm để đảm bảo việc họ đăng ký dự tuyển vào cơ quan, đơn vị, địa phương khác (không phải là nơi cử đi học) đúng quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chuẩn bị cơ sở vật chất, cử người phối hợp xây dựng danh mục tài liệu, xây dựng dữ liệu đề thi, đáp án; cử người tham gia xây đề thi tuyển viên chức giáo viên và tổ chức nhân bản đề thi, tham gia Ban phách, các ban giúp việc khác của Hội đồng theo đúng kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng thi.

4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng trên website của Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, địa phương có nhu cầu tuyển dụng để thí sinh và nhân dân biết, thực hiện giám sát.

b) Thông báo công khai tại trụ sở của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về chỉ tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; nội dung, hình thức thi tuyển; thời gian, địa điểm (nhận hồ sơ, tổ chức ôn thi và tổ chức thi) theo quy định.

c) Cử công chức (có danh sách, thời gian trực cụ thể) tham gia tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí dự tuyển theo thông báo của Hội đồng thi tuyển; tổng hợp danh sách dự tuyển, nộp lệ phí dự tuyển về Hội đồng thi tuyển của tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

d) Tiếp nhận, kiểm tra và sơ tuyển hồ sơ của người dự tuyển đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển theo quy định. Lập danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển, không đủ điều kiện dự tuyển và ghi thành tệp tin (file Excel, font chữ Times New Roman) dữ liệu tổng hợp gửi về Hội đồng thi tuyển của tỉnh (qua Sở Nội vụ);

đ) Thông báo kết quả thi tuyển cho thí sinh và quyết định tuyển dụng sau khi có quyết định công nhận kết quả thi tuyển của Ủy ban nhân dân tỉnh theo thông báo của Sở Nội vụ;

e) Hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; phân công công tác, ký hợp đồng làm việc, phân công hướng dẫn tập sự theo đúng vị trí tuyển dụng; bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên và thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức giáo viên theo quy định.

f) Giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi tuyển theo thẩm quyền.

g) Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo sự phân công của UBND tỉnh, Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh.

5. Sở Tài chính:

a) Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội trong việc hướng dẫn việc thực hiện thu - chi phí, lệ phí dự tuyển kịp thời, đúng quy định, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tuyển dụng.

b) Trường hợp kinh phí không đủ chi, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí theo quy định.

c) Thực hiện các nội dung khác có liên quan theo sự phân công của UBND tỉnh, Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh.

6. Công an tỉnh: Có trách nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự cho kỳ thi tuyển viên chức giáo viên diễn ra an toàn và trật tự giao thông được đảm bảo.

7. Sở Y tế: Có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác y tế phục vụ Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh, các bộ phận phục vụ Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh và các thi sinh tham dự kỳ thi tuyển viên chức giáo viên.

8. Trung tâm tin học - Ngoại ngữ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phối hợp với Sở Nội vụ chuẩn bị tài liệu, nội dung ôn tập và tổ chức ôn thi theo đúng Kế hoạch và các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh.

9. Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện có trách nhiệm: Đăng tin, đưa tin về Kế hoạch này và các nội dung có liên quan đến công tác tuyển dụng theo yêu cầu của Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh trên báo, đài theo quy định.

10. Điện lực Gia Lai: Có trách nhiệm cung cấp điện đảm bảo cho các ngày thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh.

Trên đây là kế hoạch thi tuyển viên chức giáo viên của tỉnh Gia Lai năm 2018, UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng cơ quan có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

***Nơi nhận*:**
- TT Tỉnh ủy (để báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (để biết);
- CT, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo (thực hiện);
- Các sở, ngành tỉnh: Tài chính, Y tế, Công an;
- Điện Lực Gia Lai;
- Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh (đưa tin);
- Website UBND tỉnh, Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Võ Ngọc Thành

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2018 (PHỤC VỤ CHO NĂM HỌC 2018 - 2019)

(Kèm theo Kế hoạch số: 2552 /KH-UBND ngày 13 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Đơn vị tuyển	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Giáo viên mầm non	Giáo viên tiểu học							Giáo viên Trung học Cơ sở													Giáo viên THP		
				Tổng số	Dạy văn hóa	Nhạc	Tin Học	Ngoại ngữ	Thể dục	Phụ trách đội	Tổng số	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh văn	GDCD	Thể dục	Nhạc	Họa	Tin	Tổng số	Tiếng Anh	Ngữ Văn
A	**CẤP TỈNH**	**12**																							**12**	**5**	**3**
1	**Các trường THPT thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**																								12	5	3
B	**CẤP HUYỆN**	**961**	**490**	**305**	**196**	**2**	**25**	**65**	**9**	**3**	**166**	**43**	**6**	**5**	**7**	**25**	**14**	**10**	**14**	**2**	**11**	**4**	**6**	**14**			
1	**TP Pleiku**	**30**	**24**	**6**	**5**		**1**																				
1.1	Bậc mầm non	24	24																								
1.2	Bậc tiểu học	6		6	5		1																				
2	**Thị xã An Khê**	**35**		**35**	**19**		**3**	**13**																			
2.1	Bậc tiểu học	35		35	19		3	13																			
3	**Thị xã Ayun Pa**	**31**	**22**	**5**	**2**	**1**				**2**	**4**					**1**	**1**	**1**						**1**			
3.1	Bậc mầm non	22	22																								
3.2	Bậc học Tiểu học	5		5	2	1				2																	
3.3	Bậc THCS	4									4					1	1	1						1			
4	**Huyện Đức Cơ**	**48**	**21**	**23**	**14**		**4**	**5**			**4**	**2**					**1**		**1**								
4.1	Bậc mầm non	21	21																								
4.2	Bậc tiểu học	23		23	14		4	5																			
4.3	Bậc THCS	4									4	2					1		1								
5	**Huyện Ia Grai**	**89**	**51**	**17**	**17**						**21**	**9**	**2**			**3**	**1**	**1**	**1**		**2**			**2**			
5.1	Bậc mầm non	51	51																								
5.2	Bậc học Tiểu học	17		17	17																						
5.3	Bậc THCS	21									21	9	2			3	1	1	1		2			2			

Đơn vị tuyển	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Giáo viên mầm non	Giáo viên tiểu học							Giáo viên Trung học Cơ sở													Giáo viên THPT				Ghi chú
			Tổng số	Dạy văn hóa	Nhạc	Tin Học	Ngoại ngữ	Thể dục	Phụ trách đội	Tổng số	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh văn	GDCD	Thể dục	Nhạc	Họa	Tin	Tổng số	Tiếng Anh	Ngữ Văn	GDQP	
uyện Chư Prông	**121**	**67**	**34**	**33**				**1**		**20**	**4**		**1**	**2**	**4**	**1**	**1**	**2**		**2**		**2**	**1**					
ậc mầm non	67	67																										
ậc Tiểu học	34		34	33				1																				
ậc THCS	20									20	4		1	2	4	1	1	2		2		2	1					
uyện Ia Pa	**39**	**39**																										
ậc mầm non	39	39																										
uyện Chư Păh	**50**	**21**	**26**	**18**		**4**	**4**			**3**								**2**					**1**					
ậc mầm non	21	21																										
ậc học Tiểu học	26		26	18		4	4																					
ậc THCS	3									3								2					1					
luyện KBang	**26**	**18**	**3**			**2**	**1**			**5**	**1**					**1**					**1**		**2**					
ậc mầm non	18	18																										
ậc học Tiểu học	3		3			2	1																					
ậc THCS	5									5	1					1					1		2					
luyện Krông Pa	**60**	**46**	**11**			**4**	**7**			**3**	**2**												**1**					
ậc mầm non	46	46																										
ậc tiểu học	11		11			4	7																					
ậc THCS	3									3	2												1					
luyện Chư Sê	**102**	**22**	**28**	**20**			**8**			**52**	**10**	**3**	**3**	**3**	**9**	**6**	**3**	**5**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**					
ậc mầm non	22	22																										
ậc học Tiểu học	28		28	20			8																					
ậc THCS	52									52	10	3	3	3	9	6	3	5	1	3	1	1	4					
luyện Kông Chro	**47**	**28**	**8**	**2**			**6**			**11**	**3**	**1**			**3**		**1**		**1**	**2**								

STT	Đơn vị tuyển	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Giáo viên mầm non	Giáo viên tiểu học							Giáo viên Trung học Cơ sở														Giáo viên TH		
				Tổng số	Dạy văn hóa	Nhạc	Tin Học	Ngoại ngữ	Thể dục	Phụ trách đội	Tổng số	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh văn	GDCD	Thể dục	Nhạc	Họa	Tin	Tổng số	Tiếng Anh	Ngữ Văn
12.1	Bậc mầm non	28	28																								
12.2	Bậc học Tiểu học	8		8	2			6																			
12.3	Bậc THCS	11									11	3	1			3		1		1	2						
13	**Huyện Mang Yang**	**92**	**46**	**31**	**15**		**1**	**7**	**2**	**1**	**15**	**2**		**1**	**1**	**4**	**1**	**2**	**2**			**1**		**1**			
13.1	Bậc Mầm non	46	46																								
13.2	Bậc Tiểu học	31		31	20		1	7	2	1																	
13.3	Bậc THCS	15									15	2		1	1	4	1	2	2			1		1			
14	**Huyện Đak Đoa**	**42**	**7**	**29**	**25**			**2**	**2**		**6**	**3**			**1**	**1**	**1**										
14.1	Bậc mầm non	7	7																								
14.2	Bậc học Tiểu học	29		29	25			2	2																		
14.3	Bậc THCS	6									6	3			1	1	1										
15	**Huyện Phú Thiện**	**76**	**54**	**14**	**4**		**5**	**5**			**8**	**2**						**1**	**1**		**1**		**1**	**2**			
15.1	Bậc mầm non	54	54																								
15.2	Bậc tiểu học	14		14	4		5	5																			
15.3	Bậc THCS	8									8	2						1	1		1		1	2			
16	**Huyện Chư Pưh**	**67**	**18**	**35**	**22**	**1**	**1**	**7**	**4**		**14**	**5**					**1**				**3**	**1**	**2**	**2**			
16.1	Bậc mầm non	18	18																								
16.2	Bậc tiểu học	35		35	22	1	1	7	4																		
16.3	Bậc THCS	14									14	5					1				3	1	2	2			
17	**Huyện Đak Pơ**	**6**	**6**																								
17.1	Bậc mầm non	6	6																								
	TỔNG CỘNG	**973**	**490**	**305**	**196**	**2**	**25**	**65**	**9**	**3**	**166**	**43**	**6**	**5**	**7**	**25**	**14**	**10**	**14**	**2**	**11**	**4**	**6**	**14**	**12**	**5**	**3**